

CẢI CÁCH VỀ GIÁO DỤC CỦA HỒ QUÝ LY VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thu Hà¹

TÓM TẮT

Trong lịch sử trung đại nước ta, Hồ Quý Ly được coi là một nhà cải cách. Các chính sách cải cách của ông rất toàn diện, táo bạo trên khắp các lĩnh vực chính trị, hành chính, quốc phòng, tài chính, tư tưởng, văn hóa xã hội, giáo dục, trong đó, cải cách về tư tưởng, văn hóa, giáo dục được coi là tiến bộ nhất. Hơn 600 năm đã qua, di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ vẫn mãi là niềm tự hào, sự trường tồn của văn hóa dân tộc. Những tư tưởng, biện pháp cải cách của ông, nhất là về văn hóa, giáo dục vẫn là bài học quý giá đối với công cuộc đổi mới giáo dục đang diễn ra ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Cải cách giáo dục, đổi mới giáo dục.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước, nhiều sự kiện, nhân vật lịch sử của các triều đại phong kiến ở nước ta đã được nhìn nhận lại, đánh giá khoa học, khách quan hơn, “công minh” hơn giữa công và tội, giữa ưu điểm và hạn chế cũng như những đóng góp đối với dân tộc. Nếu như, theo quan điểm phong kiến chính thống trước đây, Hồ Quý Ly là ngụy tặc, tham vọng, tàn bạo, triều Hồ là ngụy triều, thì với quan điểm Mác xít hiện nay, việc Hồ Quý Ly cho xây dựng tòa thành đá, từ mục tiêu ban đầu là một căn cứ quân sự chống lại giặc Minh, ngày nay trở thành di sản văn hóa thế giới, cùng với những chính sách cải cách táo bạo, toàn diện, nhất là về văn hóa, giáo dục đã khẳng định, ông xứng đáng là một vị vua văn hóa, vị vua yêu nước.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Đánh giá lại nhân vật Hồ Quý Ly “công minh hơn”

Hồ Quý Ly và vương triều Hồ xuất hiện như một hiện tượng, một sự kiện lịch sử khá đặc biệt. “Vì lẽ đó, chung quanh vấn đề Hồ Quý Ly và nhà Hồ có nhiều nhìn nhận, đánh giá khác nhau, cần được tiếp tục nghiên cứu trao đổi, tiếp cận, nhằm rút ra kinh nghiệm, bài học quá khứ, phục vụ cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay” [2]. Năm 1990, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* đã xuất bản chuyên san về “cải cách Hồ Quý Ly (số 6 - 253), tháng 11-12/1990, gồm 9 luận văn, mở đầu cho việc nghiên cứu trở lại về triều Hồ và nhân vật lịch sử Hồ Quý Ly. Tiếp đó, trong hai ngày 11 và 12 tháng 12 năm 1991, Ban nghiên cứu và biên soạn Lịch sử Thanh Hóa phối

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthuhadhd@gmail.com

hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học lớn “*Hồ Quý Ly và nhà Hồ*”, với 41 tham luận của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu của Trung ương và Thanh Hóa. Từ đó đến nay, nhất là từ khi khu Di tích lịch sử - văn hóa Thành nhà Hồ được công nhận là di sản văn hóa thế giới (2011), nhiều công trình khoa học về bảo tồn, phát huy giá trị khu di sản, dĩ nhiên gắn liền với nhân vật lịch sử Hồ Quý Ly và triều Hồ tiếp tục được nghiên cứu.

Ngược dòng lịch sử, trước Hồ Quý Ly cũng đã xuất hiện nhà cải cách Khúc Hạo (907 - 918), sau Hồ Quý Ly, có nhiều nhà cải cách như Lê Thánh Tông (1460 - 1497), Quang Trung (1788 - 1792), hay những nhà chính trị có tư tưởng cải cách, như Chu Văn An (1292 - 1370), Nguyễn Trường Tộ (1828 - 1871), Phan Bội Châu (1872 - 1926)... Hồ Quý Ly là một nhà cải cách lớn cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV. Khi mới bước lên vũ đài chính trị, với vai trò là một đại thần nhà Trần, Hồ Quý Ly đã từng bước mang tư tưởng cải cách của mình để thực hiện, song vì chưa nắm được quyền lực quốc gia trọn vẹn trong tay, nên không đủ điều kiện thực hiện cải cách đến nơi đến chốn. Khi giành được chính quyền vào tay mình, ông trực tiếp điều khiển công cuộc cải cách trên cương vị một nhà vua, một thái thượng hoàng. Các chính sách cải cách của Hồ Quý Ly rất toàn diện, táo bạo trên khắp các lĩnh vực chính trị, hành chính, quốc phòng, tài chính, tư tưởng, văn hóa xã hội, giáo dục, trong đó, cải cách về tư tưởng, văn hóa, giáo dục được coi là tiến bộ nhất. “Về văn hóa, tư tưởng, cải cách của Hồ Quý Ly thể hiện tinh thần phát huy văn hóa dân tộc, đề cao chữ Quốc ngữ (chữ Nôm), đồng thời bác bỏ tư tưởng các thánh hiền Trung Quốc mà gần như toàn thể giới nho sĩ bấy giờ vẫn coi là bất khả xâm phạm. Về giáo dục, nội dung cải cách thể hiện tinh thần yêu nước, tính đại chúng và gắn bó với cuộc sống” [6; tr.156].

2.2. Những bài học quý giá đối với công cuộc đổi mới giáo dục đang diễn ra ở nước ta hiện nay

2.2.1. Cải cách giáo dục phải dựa trên một nền tảng tư tưởng, triết lý giáo dục đúng đắn, đề cao tinh thần độc lập dân tộc

Nghiên cứu cải cách của Hồ Quý Ly, nhiều người thường tách bạch những biện pháp cải cách về văn hóa và giáo dục. Tuy nhiên, hai lĩnh vực này lại gắn liền với nhau. Xét về nghĩa rộng, giáo dục cũng là một thành tố, một bộ phận của văn hóa nói chung. Những biện pháp cải cách về văn hóa của Hồ Quý Ly đã tạo nền tảng tư tưởng cho cải cách giáo dục. Trước khi nắm quyền điều hành triều chính, tháng 12 năm Nhâm Thân (1392), Hồ Quý Ly đã soạn sách *Minh đạo*, nghĩa là làm sáng tỏ đạo Nho (có người hiểu “minh đạo” nghĩa là con đường sáng) gồm 14 thiên, dâng lên Thái thượng hoàng Trần Nghệ Tông. Hạ thấp vai trò của Khổng Tử, đề cao Chu Công, Hồ Quý Ly cho rằng “Chu Công là Tiên thánh, Khổng Tử là Tiên su”, khi sắp xếp ngôi thứ thờ ở Văn Miếu thì “đặt bài vị Chu Công ngồi giữa, mặt hướng Nam, bài vị của Khổng Tử ngồi bên, mặt hướng Tây” [5; tr.659]. Ông đã phê phán một số danh nho, nghi ngờ một số chỗ trong sách Luận Ngữ của Khổng Tử, phê phán thói giáo điều của các nhà Nho, như Hàn Dũ, Chu Đôn Di, Trình Hiệu là “trộm Nho”, “cóp nhặt văn chương”; đồng thời ông đề nghị khuyến khích thực học, kén người tài năng [7; tr.34]. Như vậy, khác với thời Lý, Trần, Hồ Quý Ly hạn chế Phật giáo, Đạo giáo, đề cao Nho giáo,

nhưng là thứ Nho giáo thực dụng, chống giáo điều, kết hợp với tinh thần Pháp gia. Đây chính là nền tảng tư tưởng, triết lý cho những biện pháp cải cách giáo dục của ông.

Hồ Quý Ly là vị vua đầu tiên ở nước ta phổ biến rộng rãi việc dùng chữ Nôm, đưa chữ Nôm lên vị trí quan trọng. Điều đó được xem là biểu hiện của ý chí nêu cao tinh thần dân tộc. Ông soạn sách *Thi nghĩa* (nghĩa của Kinh Thi) bằng chữ quốc âm rồi sai người dạy cho hậu phi và cung nhân học tập. Ông còn chép thiên *Vô dật* (Không nên nhàn hạ) ra chữ quốc âm để dạy vua Trần Thuận Tông. Hai cuốn sách biên dịch nói trên cùng nhiều bài thơ Nôm của Hồ Quý Ly đã cho thấy “thái độ đề cao, khuyến khích việc phổ biến và sử dụng chữ Nôm đến mức độ nào. Thái độ đó nói lên một cách hùng hồn tinh thần dân tộc của Hồ Quý Ly và tinh thần ấy lại được thể hiện qua cảm nang dành để dạy dỗ những người đang giữ cương vị tối cao trong xã hội. Thật là một hành vi văn hóa có ý nghĩa lịch sử hết sức đặc biệt” [6; tr.162]. Trước Hồ Quý Ly, chỉ có Hàn Thuyên và Nguyễn Sĩ Cố đời Trần làm thơ chữ Nôm, còn nói chung tầng lớp quý tộc, trí thức Đại Việt thường chỉ biết có chữ Hán, chỉ coi trọng chữ Hán. Nhà nước phong kiến xem chữ Hán là văn tự chính thức của dân tộc và chỉ cho phép dùng chữ Hán trong các nhà trường. Tinh thần độc lập, sáng tạo của Hồ Quý Ly đã đưa ông vượt xa những người cùng thời và tầng lớp nho sĩ đời sau. Việc chú trọng chữ Nôm của Hồ Quý Ly trong hệ thống giáo dục đương thời có tác động đến thành tựu văn học chữ Nôm của những người kế tục sau đó, trong đó điển hình là Nguyễn Trãi” [4; tr.68].

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay, đất nước ta đã trải qua 5 lần cải cách giáo dục (1950, 1956, 1979, 2000 và 2021), nhưng trong xây dựng chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, chúng ta vẫn quán triệt “nguyên tắc vàng” từ khi xây dựng chương trình cải cách giáo dục lần thứ nhất năm 1950: “hiện đại, cơ bản và phù hợp với thực tiễn Việt Nam”. Một số nhà nghiên cứu cho rằng hiện nay giáo dục nước ta hiện nay vẫn đang thiếu một “triết lý giáo dục”. Nhưng rõ ràng, chúng ta vẫn đang kế thừa những bài học cải cách giáo dục của quá khứ, học tập những kinh nghiệm, tinh hoa của các nước có nền giáo dục tiên tiến nhưng vẫn phải đề cao tính dân tộc.

2.2.2. Thứ hai, cải cách giáo dục cần chú trọng, quan tâm phát triển giáo dục ở các địa phương

Tháng 5 năm Đinh Sửu (1397), theo ý của Hồ Quý Ly, vua Trần Thuận Tông xuống chiếu cải cách giáo dục ở các phủ, lộ. Hệ thống trường lớp tại các địa phương được Hồ Quý Ly thúc đẩy mở rộng từ cuối thời Trần và tiếp tục duy trì sang thời Hồ. Theo đó, tại các lộ xa như Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Đông, mỗi phủ đều đặt một học quan, ban ruộng công cho phủ, châu lớn 15 mẫu, vừa 12 mẫu và nhỏ 10 mẫu để chi dụng dạy học ở lộ, phải đốc thúc học quan dạy dỗ học trò để cho thành tài nghệ. Mỗi cuối năm phải chọn người học giỏi tiến vào triều. Hệ thống trường học này do các nhà nho và thái học sinh không làm quan, về nhà dạy học [5; tr.670]. Cũng như các triều đại Lý, Trần trước đây, nhà Hồ lấy Tứ Thư và Ngũ Kinh làm cơ sở cho học vấn và khoa cử; đồng thời học về lịch sử Trung Hoa. Các học trò phải hiểu biết về đề tài trị nước, an dân. Trước đó, việc học hành chỉ được Nhà nước tổ chức ở các đô thị, còn ở các châu, huyện thì nhân dân không có trường học, nên dễ bị đốt chữ hoặc chi phí thối hoàn toàn cho các thầy đồ tư nhân. Với chính sách trên, Hồ Quý Ly đặt ra ngạch học quan của Nhà nước để trông coi việc giáo dục ở địa phương mình.

Sau khi lên nối ngôi cha, Hồ Hán Thương đặt ra nhã nhạc, con các quan văn làm Kinh vĩ lang, con các quan võ làm Chinh đồn lang, học tập hai điệu vũ văn võ [3; tr.203].

Như vậy, trong bối cảnh đất nước lúc bấy giờ, Hồ Quý Ly đã bắt đầu quan tâm đến giáo dục ở các địa phương, các vùng nông thôn rộng lớn. Ngày nay, Đảng và Nhà nước ta đang cố gắng để xóa bỏ khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa miền xuôi với miền núi, vùng sâu, vùng xa; giữa nông thôn và thành thị.

2.2.3. Thứ ba, đổi mới giáo dục trước hết cần đổi mới chế độ khoa cử nhằm tuyển chọn và sử dụng đúng những người thực học, thực tài

Từ năm 1396 dưới thời Trần Thuận Tông, lệ thi 4 trường được Hồ Quý Ly quy định lại so với quy chế trước đó, bỏ cách thi ám tả cổ văn mà định ra tứ trường văn thể gồm:

Trường 1: Thi kinh nghĩa, có đoạn phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, kết luận; giới hạn 500 chữ trở lên.

Trường 2: Thi thơ phú, thi một bài thơ Đường luật và một bài phú cổ thể, hoặc thể Ly tao, thể văn tuyển; riêng bài phú cũng phải từ 500 chữ trở lên.

Trường 3: Thi chế, chiếu, biểu, mỗi thể một bài. Bài chiếu theo thể đời Hán, bài chế và bài biểu theo thể tứ lục đời Đường.

Trường 4: Thi văn sách, dùng điển tích ở kinh, sách sử và thời sự để ra đầu bài, giới hạn 1000 từ trở lên [3; 198]. Các khoa thi được quy định, năm trước thi Hương, thì năm sau thi Hội. Người nào trúng tuyển được chính nhà vua ra đề thi gồm Văn sách để xếp hạng cao thấp.

Đến tháng 2 năm 1404, Hồ Hán Thương quy định cách thức thi cử nhân gồm thi Hương, thi ở Bộ Lễ, thi Hội (đỗ Thái học sinh). Các đợt thi đều tổ chức vào tháng 8 hàng năm. Ai đỗ cấp nào sẽ được hưởng chế độ ưu đãi tùy theo, như đỗ thi Hương được miễn lao dịch, đỗ ở Bộ Lễ thì miễn đi lính.

Phép thi của nhà Hồ bắt chước theo lối văn thể của nhà Nguyên, nhưng chia ra làm 4 kỳ, có thêm kỳ thi viết chữ và tính toán, thành ra 5 kỳ, nhưng mới thực hiện tại kỳ thi ở Bộ Lễ thì xảy ra chiến tranh nên không thực hiện được nữa. Đây là lần đầu tiên môn Toán được đưa vào nội dung thi chính thức.

Đối tượng không được đi thi gồm quân nhân, phường chèo và người có tội [3; tr.207].

Tuy coi trọng chữ Nôm nhưng Hồ Quý Ly mới dừng lại ở việc dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm và viết sách chữ Nôm, còn việc thi cử vẫn thực hiện bằng chữ Hán.

Hình thức và nội dung thi như vậy có nhiều đổi mới so với các đời trước, thiết thực hơn, giảm bớt tính “tầm chương, trích cú”, gắn với mục tiêu đào tạo “hiền tài” cho đất nước.

Nhà Hồ chỉ tồn tại 7 năm, trong thời gian đó đã tổ chức 2 kỳ thi, lấy gần 200 người đỗ, trong đó có 1 trạng nguyên.

Tháng 8, Canh Thìn, năm Thánh Nguyên thứ 1 (1400), đời Hồ Quý Ly tổ chức kỳ thi đầu tiên, lấy Lưu Thúc Kiệm đỗ trạng nguyên, cùng 20 người khác đỗ thái học sinh, trong đó có Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mong Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành... Với bài phú với tiêu đề “Linh kim tàng”, Lưu Thúc Kiệm trở thành trạng nguyên duy nhất dưới thời Hồ [5; tr.670]. Tháng 7 năm 1405, Hồ Hán Thương tổ chức kỳ thi ở bộ Lễ, lấy 170 người thi đỗ, gồm có Hồ Ngạn Thần, Lê Cung Thần sung làm thái học sinh lý hành, 6 người được sung làm học sinh ở Tư Thiện đường (Tư Thiện đường nguyên là tên nhà học của Thái tử nhà Trần).

Những tư tưởng, biện pháp cải cách giáo dục, khoa cử là một phần của chương trình cải cách toàn diện mà Hồ Quý Ly đề xướng thực hiện nhằm tuyển chọn quan lại và nhằm xây dựng một nền giáo dục, văn hóa mang bản sắc dân tộc Việt. Những định hướng của ông về một nền giáo dục là: “*tỏ rõ giáo hoá, giữ phong tục*”, với những quy định cụ thể nhằm nâng cao dân trí và đào tạo nhân tài cho đất nước.

Rất tiếc, Nhà Hồ chỉ tồn tại ngắn ngủi, nên nhiều tư tưởng biện pháp cải cách của Hồ Quý Ly chưa có điều kiện thực hiện, đã bị chặn đứng lại sau thất bại cuộc kháng chiến chống quân Minh, nhưng chỉ mấy chục năm sau đã được Lê Thánh Tông kế thừa, phát triển và đạt những thành tựu rực rỡ ở nửa sau thế kỷ XV. Một số nhân tài đỗ đạt dưới thời Hồ sau này phục vụ cho nhà Lê Sơ, như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành...

3. KẾT LUẬN

Đối với công cuộc đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay, những tư tưởng biện pháp cải cách văn hóa, giáo dục của Hồ Quý Ly vẫn còn nguyên giá trị, vẫn là những bài học lịch sử quý giá. Cải cách giáo dục phải dựa trên một nền tảng tư tưởng, triết lý giáo dục đúng đắn, đề cao tinh thần độc lập dân tộc. Cải cách giáo dục cần chú trọng, quan tâm phát triển giáo dục ở các địa phương, đổi mới giáo dục trước hết cần đổi mới chế độ khoa cử nhằm tuyển chọn và sử dụng đúng những người thực học, thực tài. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, quan điểm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đang triển khai (chương trình 2018) đã khẳng định rõ: “Chương trình được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; kế thừa và phát triển những ưu điểm của các chương trình giáo dục phổ thông đã có của Việt Nam, đồng thời tiếp thu thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; gắn với nhu cầu phát triển của đất nước, những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với đặc điểm con người, văn hoá Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị chung của nhân loại cũng như các sáng kiến và định hướng phát triển chung của UNESCO về giáo dục” [1].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018*, Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục Đào tạo ngày 27/12/2018.
- [2] Lời Ban Biên tập (1992), Hồ Quý Ly và nhà Hồ, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 5 (264), tr.96.
- [3] Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Phan Ngọc Liên (2006), *Giáo dục và thi cử Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn (1958), *Việt sử thông giám cương mục*, tập VII, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội.

- [6] Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hòa (2012), *Cải cách Hồ Quý Ly*, Nxb. Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Viện Sử học (2007), *Lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

HO QUI LY'S METHODOLOGIES IN EDUCATIONAL REFORM AND THE LESSONS FOR OUR COUNTRY'S EDUCATIONAL INNOVATIONS

Nguyen Thi Thu Ha

ABSTRACT

In the medieval history of Vietnam, Ho Quy Ly was considered as a reformer. His innovative policies were comprehensive and valiant across the fields of politics, administration, national defense, finance, ideology, culture, society and education. Among them, the renovation of ideology, culture and education is evaluated as the most progressive. After more than 600 years, the permanent world cultural heritage of the Ho Dynasty Citadel is always the pride of the nation. Nowadays, his ideas and reform approach, especially the culture and education ones, are still valuable lessons for the ongoing educational reform in Vietnam.

Keywords: *Innovation, education reform.*

* Ngày nộp bài: 27/9/2021; Ngày gửi phản biện: 29/9/2021; Ngày duyệt đăng: 16/12/2021